

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HS-ST
Ngày 26 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng;

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân Thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V (tên gọi khác là V Tàu), sinh ngày 12/01/1998, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Ngõ 4 đường Lam Sơn, phường TS, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Không xác định; Mẹ đẻ: Bà Lê Thị Thu T (Đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000324/QĐ- XPHC ngày 27/9/2016 của Công an thành phố V xử phạt bị cáo 2.000.000đ về hành vi: “xâm hại sức khỏe người khác”, hiện V chưa thi hành; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 06/10/2015 và nộp xong án phí hình sự sơ thẩm tháng 4/2015, (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác của Công an quận BTL, Thành phố HN (có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Duy A, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 3, thôn CĐ, xã HB, quận ĐA, Thành phố HN (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn Đông, xã PD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Anh Vũ Đức M, sinh năm 1985; nơi cư trú: VT 5, phường TS, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 31/01/2018, anh Nguyễn Duy A là nhân viên tại quán Karaoke Infinity gọi điện thoại cho Nguyễn Văn V (tức V Tàu) để rủ V đi uống nước, V đồng ý và hẹn gặp Duy A ở đầu ngõ 4 đường Lam Sơn. Anh Duy A không có phương tiện đi lại nên đã mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu vàng nâu BKS: 88L1-404.61 của chị Nguyễn Thị Ngọc A cùng là nhân viên quán Karaoke. Chị Ngọc A đồng ý và giao xe máy cho anh A mượn, trong cốp xe máy có 01 chiếc ví bên trong có 01 đăng ký xe máy BKS: 88L1-404.61, 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Thị Ngọc A, số tiền 800.000đ, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự cùng 01 áo khoác và 01 giấy hết hạn hợp đồng trả góp. Khoảng 17 giờ 30 phút, anh A điều khiển xe máy BKS: 88L1-404.61 đi đến đầu ngõ 4 đường Lam Sơn gặp V, thấy A đi xe máy đến nên V nói với A: “Mày cho anh mượn xe máy đi týt”, anh Duy A đồng ý và giao xe cho V. V điều khiển xe máy đến nhà một đối tượng tên là Dũng ở khu vực chợ Cói, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên để mua xổ số. Sau khi mua xong, V nảy sinh ý định đi cầm cổ xe máy BKS: 88L1-404.61 mượn của A để lấy tiền tiêu xài cá nhân. V điện thoại cho anh Vũ Đức Mạnh để cầm cổ xe và cầm cổ chiếc xe máy với số tiền 7.000.000đ, trước đó V vay anh M 20.000.000đ nên hai bên thỏa thuận gộp số tiền này vào tiền cầm cổ xe là 27.000.000đ, hai bên không viết giấy tờ gì. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh A không gọi được điện thoại cho V nên đã bắt taxi đi về quán Karaoke. Quá trình sử dụng xe, anh M phát hiện trong cốp xe có 01 đăng ký xe máy BKS: 88L1-404.61 mang tên Nguyễn Mạnh T cùng các giấy tờ và đồ đạc khác. Anh M lấy giấy đăng ký xe để sử dụng còn giấy tờ và đồ đạc khác anh cất giữ. Tối ngày 01/02/2018, V gọi điện thoại cho anh M để xin lại giấy tờ và đồ đạc trong cốp xe, anh M đồng ý. V đã nhờ anh Nguyễn Thái H đến lấy hộ, anh H lại nhờ anh Nguyễn Hồng H (là anh trai) đi lấy đồ giúp V. Sau khi anh H lấy được tài sản đã giao lại cho anh H và anh H đã giao lại cho V, V kiểm tra thấy có 01 ví bên trong có 800.000đ cùng một số giấy tờ và 01 áo khoác. Số tiền cầm cổ xe máy và số tiền 800.000đ trong cốp xe V đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 08/3/2018, Nguyễn Văn V bị Công an quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội bắt tạm giữ, tạm giam và bị khởi tố về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16 ngày 09/02/2018, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố V kết luận: Xe máy BKS: 88L1-404.61 có trị giá 30.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 71/CT-VKSND VY ngày 08/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn V về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại anh Nguyễn A trình bày: Ngày 31/3/2018 anh mượn chiếc xe máy BKS: 88L1-404.61 của chị Nguyễn Thị Ngọc A để đi gặp Nguyễn Văn V, khi gặp V, V đã mượn lại chiếc xe máy này của anh rồi đem đi cầm cố cho anh Vũ Đức M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Ngày 31/3/2018 chị cho anh Nguyễn Duy A mượn 01 xe máy BKS: 88L1-404.61, anh Duy A đã cho bị cáo V mượn chiếc xe máy trên và V đã đem chiếc xe đi cầm cố cho anh Vũ Đức M. Chị đã được cơ quan điều tra Công an Thành phố V trả lại cho chị chiếc xe máy, sau khi nhận lại tài sản chị không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 800.000đ và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đức M trình bày: Anh là người cho bị cáo V cầm cố chiếc xe máy với số tiền là 27.000.000đ. Tuy nhiên anh không biết nguồn gốc chiếc xe máy là do bị cáo V phạm tội mà có.

Người làm chứng anh Nguyễn Hồng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; xác nhận cơ quan điều tra đã thu và trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A 01 xe máy BKS: 88L1 – 404.61 cùng đăng ký xe; buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho anh Vũ Đức M số tiền 27.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn V không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn V tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 31/01/2018, tại ngõ 4, đường Lam Sơn, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, do có quan hệ quen biết, anh Nguyễn Duy A đã tin tưởng cho Nguyễn Văn V mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu vàng nâu BKS: 88L1- 404.61. Sau khi mượn được xe V đã đem chiếc xe máy đi cầm cố cho anh Vũ Đức M lấy 27.000.000đ, bên trong cốp xe có số tiền 800.000 đồng; 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Thị Ngọc A, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự cùng 01 áo khoác, 01 giấy hết hạn hợp đồng trả góp và một số giấy tờ. Trị giá chiếc xe 30.000.000đ, tổng trị giá tài sản V đã chiếm đoạt là 30.800.000đ.

Hành vi của bị cáo V đã phạm tội: ***“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”***. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo chiếm đoạt chiếc xe máy thông qua hợp đồng mượn tài sản và đem đi cầm cố dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng

Về nhân thân: Năm 2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử 01 năm 06 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 06/10/2015 và nộp xong án phí tháng 4/2015 (đã được xóa án tích). Bị cáo có 01 tiền sự, bị Công an thành phố V xử phạt hành chính 2.000.000đ về hành vi: “xâm hại sức khỏe người khác”, hiện bị cáo chưa thi hành quyết định xử phạt. Trong vụ án này V thực hiện hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết: “Tại Cơ quan điều tra cũng

như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Đối với anh Vũ Đức M, quá trình điều tra xác định, anh M không biết chiếc xe máy BKS: 88L1- 404.61 do V phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 27.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh M số tiền này nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền 800.000đ của chị A, do chị A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc ví bên trong có 01 đăng ký xe máy BKS: 88L1-404.61, 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Thị Ngọc A, số tiền 800.000đ, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự cùng 01 áo khoác và 01 giấy hết hạn hợp đồng trả góp, quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của chị A, toàn bộ giấy tờ và các tài sản khác bị cáo đã đánh mất, cơ quan điều tra không thu giữ được. Chị A không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với chiếc điện thoại di động bị cáo sử dụng để liên lạc với anh Duy A và anh M, quá trình điều tra xác định V đã đánh mất, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở để điều tra, xử lý là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (Hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho anh Vũ Đức M số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo V không bồi thường cho anh Vũ Đức M số tiền nêu trên thì bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và luật sửa đổi một số điều của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Đường